

VĂN BẢN HỢP NHẤT**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**THÔNG TƯ****Quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông**

Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có hiệu lực kể từ ngày 21 tháng 5 năm 2010 được sửa đổi, bổ sung bởi:

Thông tư số 13/2012/TT-BGTVT ngày 24 tháng 4 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 52/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Luật Xây dựng số 16/2003/QH11 ngày 26 tháng 11 năm 2003 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 81/2007/NĐ-CP ngày 23 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về việc Quy định tổ chức, bộ phận chuyên môn về bảo vệ môi trường tại cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông như sau¹:

¹ Thông tư số 13/2012/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông có căn cứ ban hành sau:

“Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này quy định về hoạt động bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

Thông tư này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bảo vệ môi trường* là hoạt động giữ cho môi trường trong lành, sạch đẹp; phòng ngừa, hạn chế tác động xấu của các hoạt động xây dựng tới môi trường, ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường; phục hồi và cải thiện môi trường; khai thác, sử dụng hợp lý và hiệu quả tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ đa dạng sinh học trong hoạt động phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.

2. *Báo cáo môi trường* là việc lập và cung cấp các thông tin có liên quan đến số liệu, dữ liệu các thành phần môi trường tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên về trữ lượng, giá trị sinh thái, giá trị kinh tế; về các tác động đối với môi trường; về chất thải, mức độ ô nhiễm, suy thoái và thông tin về các vấn đề môi trường khác do cơ quan, đơn vị, cá nhân thực hiện xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

Chương II

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Điều 3. Bảo vệ môi trường trong chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông²

Căn cứ Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Môi trường,

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông.”

² Điều này được sửa đổi theo quy định tại khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 13/2012/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

1. Tổ chức được giao chủ trì xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải phải thực hiện đánh giá môi trường chiến lược theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Nghị định số 29/2011/NĐ-CP); Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT ngày 18 tháng 7 năm 2011 quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 29/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 4 năm 2011 của Chính phủ quy định về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường (sau đây gọi là Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT).

2. Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá môi trường chiến lược các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

Chương III

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG ĐẦU TƯ XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Điều 4. Bảo vệ môi trường trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông

1.³ Chủ đầu tư dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông có trách nhiệm:

a) Lập hoặc thuê tổ chức dịch vụ tư vấn có đủ điều kiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường theo quy định tại Nghị định số 29/2011/NĐ-CP; Thông tư số 26/2011/TT-BTNMT và tuân thủ các biện pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tuân thủ các quy định về phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo Thông tư số 218/2010/TT-BTC ngày 29 tháng 12 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

³ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 13/2012/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

2.⁴ Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm tổ chức thẩm định và phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án thuộc thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 29/2011/NĐ-CP.

3. Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án phải được đưa vào hồ sơ mời thầu, đơn vị trúng thầu phải cam kết thực hiện đầy đủ những nội dung bảo vệ môi trường theo báo cáo đã được phê duyệt.

4. Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông có trách nhiệm bố trí kế hoạch, kinh phí cho công tác bảo vệ môi trường ngay từ khâu lập dự án đầu tư và được coi là một bộ phận của dự án. Kinh phí bảo vệ môi trường của dự án gồm kinh phí thực hiện công tác bảo vệ môi trường trong giai đoạn lập dự án đầu tư và triển khai thực hiện dự án theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông

1. Chủ đầu tư dự án phải hướng dẫn và yêu cầu nhà thầu thực hiện các nội dung bảo vệ môi trường đã cam kết trong báo cáo đánh giá tác động môi trường; cam kết bảo vệ môi trường của dự án đã được phê duyệt.

2. Chủ đầu tư dự án phải chịu trách nhiệm quản lý công tác bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng và thực hiện các công việc sau:

a) Định kỳ kiểm tra việc tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường theo tiến độ triển khai xây dựng của dự án;

b) Xây dựng kế hoạch bảo vệ môi trường để chỉ đạo thực hiện thường xuyên và ứng phó kịp thời các sự cố môi trường xảy ra trong quá trình xây dựng;

c) Kế hoạch bảo vệ môi trường là một phần quan trọng trong kế hoạch công tác của đơn vị và phải được phổ biến rộng rãi tới cán bộ, công nhân viên trong cơ quan biết, thực hiện.

3. Nhà thầu, đơn vị thi công phải tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng; đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường, thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường.

4. Công tác bảo vệ môi trường của nhà thầu, đơn vị thi công thành viên gồm các hoạt động cơ bản sau:

⁴ Khoản này được sửa đổi theo quy định tại khoản 2 Điều 1 của Thông tư số 13/2012/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

a) Nâng cao nhận thức, xây dựng ý thức bảo vệ môi trường; cập nhật và phổ biến quy định pháp luật về bảo vệ môi trường cho người sử dụng lao động, người lao động;

b) Quản lý vận chuyển và xử lý chất thải rắn, chất thải lỏng, khí thải (gồm cả bụi), chất thải nguy hại, chất thải thông thường, chất thải sinh hoạt, nguyên liệu, nhiên liệu sử dụng, các yếu tố gây ô nhiễm khác từ quá trình xây dựng và triển khai dự án. Các chất thải phải được kiểm soát và xử lý theo quy định trước khi thải ra môi trường;

c) Thực hiện công tác giám sát môi trường, định kỳ quan trắc các chất thải, không khí, nước, tiếng ồn, rung và yếu tố khác gây ô nhiễm môi trường do hoạt động xây dựng trong quá trình triển khai dự án; thực hiện các giải pháp giảm thiểu chất thải và kiểm soát ô nhiễm đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường;

d) Thực hiện ghi chép và lưu giữ thông tin hiện trạng của các thiết bị, hệ thống, công trình xử lý chất thải;

đ)⁵ Quản lý chất thải nguy hại theo Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về quản lý chất thải nguy hại;

e) Chủ động lập kế hoạch, phương án và cơ sở vật chất, kỹ thuật để ứng phó sự cố môi trường, khắc phục hậu quả do sự cố môi trường;

g) Các hoạt động sản xuất của cơ sở dịch vụ trong quá trình thực hiện dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông cần từng bước áp dụng quy trình sản xuất sạch hơn trong tất cả các công đoạn xây dựng bao gồm:

- Quản lý, bảo trì, bảo dưỡng, vận hành phương tiện vận tải, thiết bị, máy xây dựng; ngăn ngừa rò rỉ, thất thoát nguyên liệu, nhiên liệu nhằm giảm tổn thất năng lượng;

- Nghiên cứu áp dụng thiết bị công nghệ mới tiên tiến, hiệu quả và thân thiện với môi trường; cải tiến thiết bị, công nghệ hiện có để giảm tiêu hao nguyên liệu, nhiên liệu nhằm hạn chế phát tán chất thải gây ô nhiễm và giảm thiểu ô nhiễm môi trường;

- Tái sử dụng, tái chế chất thải trong hoạt động xây dựng để sử dụng cho mục đích có ích ngay tại cơ sở sản xuất; tận dụng phế liệu, phế thải xây dựng kết hợp với thành quả nghiên cứu khoa học hoặc công nghệ mới để tạo thành những sản phẩm có ích, phù hợp quy chuẩn và bảo đảm an toàn vệ sinh môi trường;

- Khuyến khích áp dụng những giải pháp khai thác và sử dụng nguyên vật liệu xây dựng thiên nhiên một cách hợp lý, hiệu quả về kinh tế, cân bằng môi trường sinh thái;

- Cập nhật, lưu trữ, báo cáo môi trường theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này;

⁵ Điểm này được sửa đổi theo quy định tại khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 13/2012/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

h) Bảo đảm các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường trong toàn bộ quá trình triển khai dự án; chú trọng công tác phục hồi môi trường sau khi hoàn công (còn gọi là công tác hoàn nguyên môi trường);

i) Khuyến khích nhà thầu, đơn vị thi công thực hiện quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14.000.

Điều 6. Trích lập Quỹ Bảo vệ môi trường của doanh nghiệp

Khuyến khích các nhà thầu, đơn vị thi công thành lập Quỹ bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 1 Điều 115 Luật Bảo vệ môi trường.

Chương IV CÔNG TÁC KIỂM TRA, BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG

Điều 7. Chế độ báo cáo

1. Báo cáo môi trường của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông được thực hiện định kỳ mỗi năm một lần, khi kết thúc dự án và tổng hợp định kỳ 5 năm một lần để phục vụ báo cáo môi trường tổng hợp của toàn ngành trong báo cáo môi trường quốc gia.

2. Tổng cục Đường bộ, các Cục quản lý chuyên ngành, các Ban Quản lý dự án, Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Bộ có trách nhiệm tổng hợp báo cáo môi trường thuộc thẩm quyền quản lý của mình về tình hình bảo vệ môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

3. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm theo dõi tổng hợp báo cáo môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc thẩm quyền và địa bàn quản lý.

4. Các cơ quan đơn vị thuộc khoản 2 và khoản 3 của Điều này có trách nhiệm gửi báo cáo môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đã và đang thực hiện về Bộ Giao thông vận tải trước ngày 31 tháng 12 hàng năm (theo mẫu quy định tại Phụ lục 1) để tổng hợp và báo cáo theo quy định của pháp luật. Báo cáo phải gửi bằng văn bản và qua thư điện tử.

5. Các nhà thầu, đơn vị thi công có trách nhiệm gửi báo cáo môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông do đơn vị mình thực hiện về chủ đầu tư dự án để tổng hợp và báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 của Điều này (theo mẫu quy định tại Phụ lục 2).

6. Trong trường hợp đột xuất, Bộ Giao thông vận tải yêu cầu các nhà thầu, đơn vị thi công báo cáo hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản. Đơn vị được yêu cầu báo cáo có trách nhiệm cung cấp thông tin và trả lời bằng văn bản trong thời hạn không quá 10 ngày làm việc tính từ ngày nhận được công văn yêu cầu của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 8. Thông tin và nội dung báo cáo môi trường của nhà thầu, đơn vị thi công

1. Báo cáo môi trường hàng năm và đột xuất của nhà thầu, đơn vị thi công không được coi là thông tin bí mật và phải được công khai khi có yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2. Nhà thầu, đơn vị thi công và tổ chức, cá nhân cung cấp nội dung, thông tin trong báo cáo môi trường phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung và thông tin trong báo cáo cũng như hậu quả do cung cấp những thông tin sai lệch gây ra.

Điều 9. Kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các công trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông

1. Tổng cục Đường bộ, các Cục quản lý chuyên ngành, các Ban Quản lý dự án, Tổng Công ty, Công ty trực thuộc Bộ và các Sở Giao thông vận tải phải xây dựng kế hoạch kiểm tra và thực hiện kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý của mình. Kế hoạch kiểm tra của các cơ quan, đơn vị quản lý được thực hiện như sau:

a) Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông phải được xây dựng hàng năm và báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giao thông vận tải;

b) Kế hoạch kiểm tra công tác bảo vệ môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông theo định kỳ phải được thông báo trước cho nhà thầu, đơn vị thi công bằng văn bản trong thời hạn ít nhất 5 ngày làm việc tính từ ngày đơn vị nhận được thông báo;

c) Nội dung kiểm tra gồm việc tuân thủ quy định pháp luật về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông và việc thực hiện các nội dung đã được phê duyệt trong báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường.

2. Ngoài quy định tại khoản 1 Điều này, trường hợp có yêu cầu, Bộ Giao thông vận tải sẽ tiến hành kiểm tra đột xuất việc thực hiện công tác bảo vệ môi trường của các cơ quan trực thuộc Bộ và nhà thầu, đơn vị thi công trong quá trình thực hiện dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

Chương V**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN LỢI TRONG VIỆC THỰC HIỆN
CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG****Điều 10. Trách nhiệm của nhà thầu, đơn vị thi công**

1. Thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật và Thông tư này.

2. Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, báo cáo về bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông của cơ quan quản lý cấp trên.

3. Nghiêm chỉnh thực hiện công tác bảo vệ môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường đã được phê duyệt và nội dung về bảo vệ môi trường trong Quyết định phê duyệt dự án.

4. Phối hợp với chính quyền địa phương xử lý các vấn đề môi trường phát sinh do hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

5. Phòng ngừa, hạn chế các tác động tiêu cực đối với môi trường từ các hoạt động xây dựng, thi công hoặc hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ phục vụ công trình.

Điều 11. Quyền lợi của các nhà thầu, đơn vị thi công

1. Có quyền đề nghị Bộ Giao thông vận tải tạo điều kiện tiếp cận vốn vay ưu đãi từ Ngân hàng phát triển, Quỹ Bảo vệ môi trường cho các dự án đầu tư để ngăn ngừa, giảm thiểu, xử lý ô nhiễm, cải thiện chất lượng môi trường, khắc phục sự cố môi trường theo quy định hiện hành.

2. Được hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn trong quá trình thực hiện xây dựng các dự án, chương trình giảm thiểu chất thải, tái chế, tái sử dụng; áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 14.001; áp dụng sản xuất sạch hơn; sản xuất, sử dụng sản phẩm được cấp nhãn sinh thái và sản phẩm thân thiện với môi trường theo cơ chế hiện hành, phù hợp quy định của pháp luật.

3. Được hỗ trợ nâng cao nhận thức về quản lý môi trường, các công cụ quản lý môi trường và các thông tin về bảo vệ môi trường trong hoạt động xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

4. Được quảng cáo miễn phí thương hiệu và sản phẩm thân thiện môi trường của doanh nghiệp trên website của Bộ Giao thông vận tải.

Điều 12. Trách nhiệm của Tổng cục Đường bộ, các Cục Quản lý chuyên ngành, Ban Quản lý dự án, Chủ đầu tư

1. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định của Thông tư này.

2. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho người lao động trong đơn vị thành viên.

3. Có bộ phận, cán bộ chuyên trách hoặc kiêm nhiệm về công tác bảo vệ môi trường trong xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông; báo cáo về Bộ Giao thông vận tải các thông tin liên quan tới công tác bảo vệ môi trường của cơ quan mình.

4. Chịu trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kế hoạch thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình xây dựng thuộc phạm vi quản lý.

5. Hướng dẫn các đơn vị thành viên thực hiện báo cáo hiện trạng môi trường theo mẫu quy định tại Phụ lục 2.

6. Có quy định về bảo vệ môi trường áp dụng đối với các tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân tham gia vào công tác thi công dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc thẩm quyền quản lý.

Điều 13. Trách nhiệm của cơ quan tham mưu của Bộ

1. Vụ Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn triển khai công tác bảo vệ môi trường các công trình, dự án thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Giao thông vận tải và các quy định tại Thông tư này, cụ thể như sau:

a) Có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng tổ chức công tác kiểm tra, giám sát việc tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường đối với các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông;

b) Định kỳ hàng năm báo cáo lãnh đạo Bộ việc thực hiện hoạt động bảo vệ môi trường trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Tổ chức thẩm định các công việc liên quan đến báo cáo môi trường chiến lược và báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc thẩm quyền phê duyệt của Bộ theo quy định của pháp luật;

d) Kiểm tra, giám sát việc chấp hành báo cáo đánh giá tác động môi trường các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông đã được phê duyệt;

đ) Xác nhận Chủ dự án đã thực hiện các nội dung của báo cáo, Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung (nếu có) trước khi dự án đi vào vận hành, khai thác;

e) Hướng dẫn, phê duyệt kế hoạch quan trắc môi trường; theo dõi và giải quyết các vấn đề phát sinh về môi trường trong suốt quá trình lập dự án, thi công và khai thác các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông;

g) Giải quyết các vấn đề phát sinh về môi trường và bảo vệ môi trường với các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông sử dụng vốn vay nước ngoài thuộc lĩnh vực Bộ Giao thông vận tải quản lý, đảm bảo sự tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường trong nước và các yêu cầu khác của nhà tài trợ.

2. Thanh tra Bộ chủ trì phối hợp với Vụ Môi trường và các đơn vị liên quan kiểm tra, thanh tra việc tuân thủ quy định của Thông tư này.

3. Vụ Kế hoạch Đầu tư chủ trì, phối hợp với Vụ Môi trường, Vụ Tài chính bố trí kế hoạch, kinh phí theo quy định hiện hành về lĩnh vực môi trường của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông.

4. Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông chủ trì phối hợp với Vụ Môi trường kiểm tra việc tuân thủ công tác bảo vệ môi trường; giám sát việc thực hiện chương trình quan trắc môi trường, kiểm soát ô nhiễm của các dự án trong quá trình xây dựng dự án theo đề xuất trong hồ sơ dự thầu đã được chấp thuận của nhà thầu.

Điều 14 . Trách nhiệm của cơ quan địa phương

1. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo Sở Giao thông vận tải hướng dẫn và kiểm tra việc thực hiện Thông tư này tại các nhà thầu, đơn vị thi công thực hiện các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc phạm vi quản lý; tham gia đoàn thanh tra, kiểm tra về môi trường, chủ động nắm tình hình, diễn biến môi trường tại các công trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông trong địa bàn để có những biện pháp quản lý, phối hợp và thực hiện phù hợp.

2. Các Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm phối hợp với các bên liên quan xây dựng và triển khai chương trình kiểm tra công tác bảo vệ môi trường và xử lý các vấn đề môi trường của các dự án xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông thuộc thẩm quyền và địa bàn quản lý.

Chương VI ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 15. Hiệu lực thi hành ⁶

Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày kể từ ngày ký. Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có vướng mắc kịp thời báo cáo về Bộ Giao thông vận tải xem xét, giải quyết.

⁶ Điều 2 của Thông tư số 13/2012/TT-BGTVT sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về bảo vệ môi trường trong phát triển kết cấu hạ tầng giao thông, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2013 quy định như sau:

“ Điều 2. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2012.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ, Cục trưởng các Cục, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải, Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, các Vụ trưởng, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ, Cục trưởng các Cục chuyên ngành, Thủ trưởng các cơ quan, Giám đốc các Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Số: 09/VBHN-BGTVT

*Hà Nội, ngày 07 tháng 8 năm 2013***BỘ TRƯỞNG****Đinh La Thăng**

Phụ lục 1
MẪU BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
(Kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)
Dùng cho Tổng cục đường bộ, các Cục quản lý chuyên ngành,
các Ban Quản lý dự án, các Sở GTVT

...(1)...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :.....

...(2)...., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi: Bộ Giao thông vận tải

BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG

Năm...(3)....

I. Mở đầu:

Phần này trình bày một cách tổng quan và ngắn gọn về nội dung, vấn đề sẽ trình bày xuyên suốt trong báo cáo. Gồm nội dung sau:

- Mục tiêu và phạm vi báo cáo:
- Căn cứ lập báo cáo:
- Đối tượng lập báo cáo:
- Tóm tắt những nội dung chính và những vấn đề trình bày trong báo cáo.

II. Tổng hợp, thống kê các dự án, công trình (Thời gian từ..... đến.....):

Phần này mỗi một đơn vị căn cứ vào tình hình thực tế thực hiện dự án xây dựng KCHTGT thuộc phạm vi quản lý của mình thống kê theo lĩnh vực sau:

1. Đường bộ:
2. Đường sắt:
3. Đường thủy nội địa:
4. Hàng không:
5. Hàng hải:

Các thông tin gồm các nội dung cơ bản như các bảng sau:

Bảng.....: Các công trình/dự án để lập báo cáo

TT	Tên dự án	Cấp thiết kế	Dạng xây dựng		Thời gian thực hiện	Hồ sơ môi trường			Ghi chú
			Mới	Nâng cấp, cải tạo		Dạng báo cáo (ĐTM/CKBVMT)	QĐ phê duyệt	Cấp phê duyệt	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)

Ghi chú: Nội dung các cột của bảng ghi như sau:

(6) Ghi khoảng thời gian thực hiện Dự án theo quyết định đầu tư.

(7) Nếu có báo cáo đánh giá tác động môi trường thì ghi ĐTM, nếu là cam kết bảo vệ môi trường ghi CKBVMT.

(8) Ghi số Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết.

(9) Nếu Bộ Tài nguyên và Môi trường phê duyệt ghi BTNMT, nếu Bộ GTVT ghi BGTVT, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc huyện ghi: UBND Tỉnh..., UBND Huyện...

III. Các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường do hoạt động xây dựng dự án kết cấu hạ tầng giao thông:

1. Các nguồn thải chính (nước thải, khí thải, chất thải rắn): từ các hoạt động của xây dựng KCHTGT: *Phạm vi và lượng phát thải vào môi trường, diễn biến qua từng năm, chỉ ra tác động rộng hơn của vấn đề (nếu có). Phần này có thể sử dụng những chỉ số, số liệu thống kê và ước lượng để tính toán và dự báo xu hướng phát triển của các nguồn ô nhiễm.*

2. Các thông tin về nguồn gây ô nhiễm môi trường: *do hoạt động xây dựng tác động đến các thành phần môi trường khác như: hoạt động khai thác tài nguyên (Sử dụng đất, sử dụng vật liệu tự nhiên, đất, đá, cát sỏi, nước...v.v).*

3. Hệ thống xử lý các nguồn thải gây ô nhiễm:

- Hệ thống xử lý nước thải:

- Hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Hệ thống thu gom vận chuyển và xử lý chất thải rắn:

4. Dự báo mức phát thải: *đất, nước, khí thải, chất thải rắn trong tương lai dựa vào dự báo phát triển của Bộ, ngành.*

IV. Hiện trạng môi trường với các dự án xây dựng KCHTGT

1. Tổng hợp các nguồn thải gây ô nhiễm môi trường: *(Tổng hợp những số liệu, thông tin môi trường theo nội dung từ mục f) đến mục i) của Phụ lục 2 của các đơn vị thành viên).*

2. Thực trạng quản lý môi trường và việc thực hiện công tác giảm thiểu ô nhiễm: (Tổng hợp, phân tích, đánh giá các thông số và các biện pháp giảm thiểu đã được thực hiện... trên cơ sở đó phân tích các nguyên nhân và đánh giá tính hiệu quả của công tác bảo vệ môi trường chung cho toàn bộ các dự án).

3. Những dự báo về vấn đề môi trường trong thời gian tới: (Đề cập tới những dự báo về mức độ nguy hại của chất thải, sự cố môi trường tự nhiên, xã hội và dự báo ô nhiễm trong tương lai của các dự án).

V. Kết luận, Kiến nghị:

VI. Danh sách những báo cáo cơ sở: (Liệt kê toàn bộ số báo cáo của đơn vị cơ sở dùng để xây dựng báo cáo tổng hợp này).

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:...

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên)

...(4)....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

- (1) Tên đơn vị;
- (2) Địa danh;
- (3) Thời gian báo cáo;
- (4) Thủ trưởng cơ quan.

Phụ lục 2
MẪU BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
(Kèm theo Thông tư số 09/2010/TT-BGTVT ngày 06 tháng 4 năm 2010
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)
(Dùng cho Nhà thầu, Đơn vị thi công)

...(1).. **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số :.....(2)...., ngày..... tháng..... năm.....

Kính gửi:.....

BÁO CÁO MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN XÂY DỰNG KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG
 Năm(3).....

I. Thông tin chung

1. Tên đơn vị: *(Nhà thầu, đơn vị thi công)*.....
2. Địa chỉ:.....
3. Điện thoại/Fax.....
4. Email:.....

II. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường các dự án XDKCHTGTVT:

Trình bày lần lượt từng dự án theo thứ tự (dự án 1, dự án 2) và gồm các nội dung như sau:

1. Dự án 1:

- a) Tên dự án: *(theo quyết định phê duyệt)*
- b) Tiến độ thực hiện: *(theo quyết định phê duyệt; theo thực tế)*
- c) Địa điểm thực hiện dự án:
- d) Quy mô dự án: *(Tóm tắt các vấn đề về: loại dự án, hạng mục thực hiện, tiêu chuẩn thiết kế, công nghệ áp dụng, tổng mức đầu tư (giá trị xây lắp, GPMB và tái định cư, tổng mức đầu tư cho công trình bảo vệ môi trường...vv theo hồ sơ thiết kế lập bản vẽ thi công đã được phê duyệt.)*

e) Hồ sơ quản lý môi trường:

- | | | | | | | |
|------------------|------|--------------------------|---------|--------------------------|-------|--------------------------|
| - Hồ sơ chung: | ĐTM | <input type="checkbox"/> | CKBVMT | <input type="checkbox"/> | | |
| - Cấp phê duyệt: | Bộ | <input type="checkbox"/> | Bộ GTVT | <input type="checkbox"/> | UBND | <input type="checkbox"/> |
| | TNMT | | | | Huyện | |

- Thời điểm phê duyệt:		
- Số quyết định phê duyệt:		
- Các loại giấy phép nguy hại:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
+ Giấy phép đăng ký chủ nguồn thải:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
+ Giấy phép thu gom, lưu giữ chất thải:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
+ Vận chuyển chất thải:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
+ Xử lý chất thải:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
+ Các loại giấy phép khác (<i>thuê dịch vụ vận chuyển, xử lý chất thải</i>):	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
- Chứng nhận các công trình xử lý môi trường:	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>
- Báo cáo quan trắc môi trường định kỳ theo báo cáo ĐTM hoặc CKBVMT	Có	<input type="checkbox"/>	Không	<input type="checkbox"/>

Ghi chú: (*Giải thích hoặc bổ sung những vấn đề trong hồ sơ quản lý*)

f) Các thông tin môi trường khác:

- Các thông tin định lượng về tổng lượng chất thải: *Không khí, đất, nước ngầm, nước mặt... (nếu có)*

- Các thông tin về nguồn gây ô nhiễm khác: *nguồn gây ô nhiễm trực tiếp, gián tiếp...*

- Các thông tin về nguyên, nhiên liệu sử dụng: *đất, đá, cát, sỏi, nước, xăng, dầu... (nếu có).*

- Các thông tin hệ thống xử lý nước, khí thải, hệ thống xử lý môi trường khác, công trình hệ thống xử lý chất thải rắn: *Công suất xử lý, tiêu chuẩn đạt được...vvv*

- Các thông tin về các chương trình hoàn nguyên, phục hồi môi trường của các dự án (*nếu có*).

g) Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm môi trường đã được thực hiện theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản cam kết bảo vệ môi trường:

- Các biện pháp giảm thiểu môi trường trong giai đoạn chuẩn bị thi công:

- Các biện pháp giảm thiểu môi trường trong giai đoạn thi công:

- Các biện pháp giảm thiểu môi trường trong giai đoạn vận hành khai thác:

h) Các vấn đề môi trường còn tồn tại cần được khắc phục:

i) Đề xuất với cơ quan quản lý cấp trên:

III. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:

Thủ trưởng cơ quan

(Ký, ghi rõ họ tên)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

- Lưu:.....

...(4)....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh, đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Tên đơn vị;

(2) Địa danh;

(3) Thời gian báo cáo;

(4) Thủ trưởng cơ quan.